

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1
MÔN: TIẾNG ANH 8 ILEARN SMART WORLD
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. True	2. False	3. True	4. False	5. True
6. D	7. A	8. C	9. D	10. B
11. B	12. C	13. B	14. D	15. C
16. D	17. announced	18. unusual	19. relaxing	20. noisy
21. active	22. F	23. F	24. T	25. NI
26. T				

27. playing table tennis to playing handball

28. about going shopping on Wednesday?

29. favorite leisure activity?

30. is less scary than rock-climbing / is not as scary as rock-climbing.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Jimmy làm việc cho một studio ở Los Angeles.

Thông tin: I'm a musician at a studio in the US. I live in a small apartment here in LA.

Tạm dịch: Tôi là nhạc sĩ tại một studio ở Mỹ. Tôi sống trong một căn hộ nhỏ ở đó tại LA.

Đáp án: True.

2.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Anh ấy sống trong một ngôi nhà lớn ở thành phố.

Thông tin: I live in a small apartment here in LA.

Tạm dịch: Tôi sống trong một căn hộ nhỏ ở LA.

Đáp án: False.

3.

Kiến thức: Nghe hiểu**Giải thích:** Anh ấy thường chạy bộ cùng chú chó của mình trong công viên.**Thông tin:** First, I often jog in the park near my house ... My dog Brownie goes with me too.**Tạm dịch:** Đầu tiên, tôi thường chạy bộ ở công viên gần nhà ... Con chó Brownie của tôi cũng đi cùng tôi.**Đáp án: True.**

4.

Kiến thức: Nghe hiểu**Giải thích:** Anh ấy bắt đầu và kết thúc công việc vào buổi chiều.**Thông tin:** I leave home for work around 2:30 pm. ... I finish work at 10 pm.**Tạm dịch:** Tôi rời nhà đi làm vào khoảng 2h30 chiều... Tôi kết thúc công việc lúc 10 giờ tối.**Đáp án: False.**

5.

Kiến thức: Nghe hiểu**Giải thích:** Vào cuối tuần, Jimmy thích chơi bóng ném và bóng bàn.**Thông tin:** I like playing table tennis and handball on the weekends.**Tạm dịch:** Tôi thích chơi bóng bàn và bóng ném vào cuối tuần.**Đáp án: True.****Bài nghe:**

Jane: Hello and welcome to Spark Free. I am Jane White. Our guest today is Jimmy Smith, who is phoning from California. Hi, Jimmy.

Jimmy: Good morning from Los Angeles. Jane. How are you?

Jane: I am great. Thank you. Today we are listening to Jimmy talking about his typical day.

Jimmy, you have two minutes to tell us about your typical day.

Jimmy: Okay. Well, my name is Jimmy Smith. I am 25 years old, and I'm a musician at a studio in the US. I play the guitar and the keyboard. I live in a small apartment here in LA. And on a typical day, I get up around 7:30 in the morning. First, I often jog in the park near my house for 45 minutes to start my day. My dog Brownie goes with me too. Then I go home, shower and have breakfast at 9am. I hang out with some of my friends for a morning coffee

and then go home to get Brownie his lunch. I leave home for work around 2:30 pm. I go to work by car. Everyone drives a car in LA. I finish work at 10pm, go home and go to bed at around 11:30 pm.

Jane: Do you play sports? And what sports do you like playing?

Jimmy: I like playing table tennis and handball on the weekends. But I prefer table tennis.

Jane: Fantastic. Thanks Jimmy.

Dịch bài nghe:

Jane: Xin chào và chào mừng bạn đến với Spark Free. Tôi là Jane White. Vị khách của chúng ta hôm nay là Jimmy Smith, người đang gọi điện từ California. Chào Jimmy.

Jimmy: Chào buổi sáng từ Los Angeles. Jane. Bạn có khỏe không?

Jane: Tôi tuyệt vời. Cảm ơn. Hôm nay chúng ta nghe Jimmy kể về một ngày điển hình của anh ấy. Jimmy, bạn có hai phút để kể cho chúng tôi nghe về một ngày điển hình của bạn.

Jimmy: Được rồi. À, tên tôi là Jimmy Smith. Tôi 25 tuổi, là nhạc sĩ tại một studio ở Mỹ. Tôi chơi guitar và keyboard. Tôi sống trong một căn hộ nhỏ ở LA. Và vào một ngày bình thường, tôi thức dậy vào khoảng 7h30 sáng. Đầu tiên, tôi thường chạy bộ ở công viên gần nhà trong 45 phút để bắt đầu ngày mới. Chú chó Brownie của tôi cũng đi cùng tôi. Sau đó tôi về nhà, tắm rửa và ăn sáng lúc 9 giờ sáng. Tôi đi uống cà phê buổi sáng với một số người bạn và sau đó về nhà lấy bữa trưa cho Brownie. Tôi rời nhà đi làm vào khoảng 2h30 chiều. Tôi đi làm bằng ô tô. Mọi người đều lái ô tô ở LA. Tôi kết thúc công việc lúc 10 giờ tối, về nhà và đi ngủ vào khoảng 11h30 tối.

Jane: Bạn có chơi thể thao không? Và bạn thích chơi môn thể thao nào?

Jimmy: Tôi thích chơi bóng bàn và bóng ném vào cuối tuần. Nhưng tôi thích bóng bàn hơn.

Jane: Tuyệt vời. Cảm ơn Jimmy.

6.

Kiến thức: Phát âm “s”.

Giải thích: Cách phát âm đuôi s, es:

- Đuôi s, es phát âm là /ɪz/ khi tận cùng là các âm /s/, /z/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, /dʒ/.
- Đuôi s, es phát âm là /s / khi tận cùng là các âm /p/, /f/, /t/, /k/, /θ/.
- Đuôi s, es phát âm là /z/ khi tận cùng là các âm còn lại.

A. enjoys /ɪn'dʒɔɪz/

B. designs /dɪ'zainz/

C. follows /'fɑ:louz/

D. likes /laɪks/

Các đáp án A, B, C đuôi -s phát âm là /z/; đáp án D đuôi -s phát âm là /s/.

Đáp án D.

7.

Kiến thức: Phát âm “t”

Giải thích:

A. nature /'neɪ.tʃə/

B. city /'sɪ.ti/

C. sports /spɔ:rts/

D. sometimes /'sʌm.taɪmz/

Các đáp án B, C, D âm “t” phát âm là /t/; đáp án A âm “t” phát âm là /tʃ/.

Đáp án A.

8.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. hometown /'hoʊm.taʊn/

B. schedule /'skedʒ.u:l/

C. hotel /hoʊ'tel/

D. mountain /'maʊn.tən/

Các đáp án A, B, D trọng âm rơi vào âm thứ 1; đáp án C trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án C.

9.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. chocolate /'tʃɑ:k.lət/

B. hospital /'hɑ:spɪ.təl/

C. vehicle /'vi:ə.kəl/

D. performance /pə'fɔ:r.məns/

Các đáp án A, B, C trọng âm rơi vào âm thứ 1; đáp án D trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án D.

10.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. rock climbing (n): leo núi

B. fishing (n): câu cá

C. cycling (n): đạp xe

D. jogging (n): chạy bộ

Tạm dịch: Anh trai tôi thích đi câu cá trên sông với ông tôi vào mỗi sáng chủ nhật.

Đáp án B.

11.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. class (n): lớp học

B. competition (n): cuộc thi

C. club (n): câu lạc bộ

D. meeting (n): cuộc họp

Tạm dịch: Hôm nay chị tôi có cuộc thi chạy. Cô ấy luyện tập rất nhiều vì muốn giành huy chương vàng.

Đáp án B.

12.

Kiến thức: Động từ chỉ sự thích/ghét

Giải thích: Cấu trúc “hate + V-ing”: ghét làm gì

A. playing video games: chơi trò chơi điện tử

B. knitting: đan

C. doing extreme sports: chơi thể thao mạo hiểm

D. chatting with friends: trò chuyện với bạn bè

Tạm dịch: Jane ghét chơi các môn thể thao mạo hiểm vì cô ấy thấy nó đáng sợ. Cô ấy thích cái gì đó thư giãn và dễ dàng.

Đáp án C.

13.

Kiến thức: Từ loại**Giải thích:** Vị trí còn trống cần điền một tính từ đứng trước và bổ nghĩa cho danh từ “festival”.

- A. tradition (n): truyền thống
- B. traditional (adj): (thuộc) truyền thống
- C. traditions (n): các truyền thống
- D. traditionally (adv): theo truyền thống

Tạm dịch: Một trong những lễ hội truyền thống ở nông thôn là Tết Trung thu.**Đáp án B.**

14.

Kiến thức: Cụm động từ**Giải thích:** Vị trí còn trống cần điền một giới từ để hoàn thành cụm “keep sb away from V-ing/sth”: giữ ai đó tránh xa khỏi cái gì/làm gì.**Tạm dịch:** Một số cha mẹ cố gắng không cho con mình sử dụng điện thoại di động.**Đáp án D.**

15.

Kiến thức: Thì hiện tại đơn**Giải thích:** Dấu hiệu: câu có trạng từ chỉ tần suất “usually” đứng trước động từ. Chủ ngữ là danh từ số nhiều “my dad and I” => động từ giữ ở dạng nguyên mẫu.**Tạm dịch:** Bố tôi và tôi thường đi bơi ở hồ bơi gần nhà vào cuối tuần.**Đáp án C.**

16.

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

- A. noise (n): tiếng ồn
- B. pollution (n): ô nhiễm
- C. water (n): nước
- D. entertainment (n): trò giải trí

Tạm dịch: Ở nông thôn không có nhiều trò giải trí. Mọi người thường tận hưởng không khí trong lành ở đây.

Đáp án D.

17.

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích: Dấu hiệu: câu có trạng từ “yesterday”: ngày hôm qua => câu ở thì quá khứ đơn.

Vị trí còn trống cần điền một động từ quá khứ đơn.

Tạm dịch: Họ đã thông báo thời gian và địa điểm của buổi vũ hội ở trường chúng ta ngày hôm qua.

Đáp án: announced.

18.

Kiến thức: Trạng từ chỉ tần suất; từ vựng

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ mang nghĩa “không thường xuyên/bất thường”.

Tạm dịch: Tôi nghĩ không cần thiết phải mang theo áo mưa và ô. Thời tiết mưa vào thời điểm này trong năm là rất bất thường.

Đáp án: unusual.

19.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ đuôi -ing bổ nghĩa cho danh từ “music” phía sau.

Tạm dịch: Sau một ngày dài làm việc, tôi chỉ muốn nằm dài trên ghế và nghe một vài bản nhạc thư giãn.

Đáp án: relaxing.

20.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “dogs” phía sau.

Tạm dịch: Những chú chó ồn ào thường đánh thức cả khu phố vào ban đêm.

Đáp án: noisy.

21.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “person” phía sau.

Tạm dịch: Linh không phải là người năng động. Cô thích dành thời gian một mình để lướt Internet hoặc đọc sách khi có thời gian rảnh.

Đáp án: active.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Trước đây, đan len rất phổ biến trong giới thanh thiếu niên và thanh niên.

Thông tin: In the past, knitting was only popular with the old and many people considered it a boring activity.

Tạm dịch: Trước đây, đan len chỉ phổ biến với người già và nhiều người coi đây là một hoạt động nhàm chán.

Đáp án: F.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Đan lát là một trong những nguyên nhân gây mất trí nhớ.

Thông tin: Many studies have found that knitting can lower the risks of blood pressure and dementia, a sickness when people gradually lose the ability to remember, think and behave normally.

Tạm dịch: Nhiều nghiên cứu đã phát hiện ra rằng đan lát có thể giúp giảm nguy cơ huyết áp và chứng mất trí, một căn bệnh khi con người dần mất khả năng ghi nhớ, suy nghĩ và cư xử bình thường.

Đáp án: F.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Đan lát giúp giảm tr ần cảm và tăng hạnh phúc.

Thông tin: It also helps people stay calm and relaxed, which brings less depression and greater happiness.

Tạm dịch: Nó cũng giúp mọi người giữ bình tĩnh và thư giãn, mang lại ít tr ần cảm và nhiều hạnh phúc hơn.

Đáp án: T.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Nhiều người trẻ đan len hơn người già trong thời gian phong tỏa vì đại dịch COVID-19.

Thông tin: Không có thông tin.

Đáp án: NI.

26.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Các tổ chức từ thiện và bệnh viện là nơi người dân có thể quyên góp những món đồ dệt kim của mình.

Thông tin: Some people said that they preferred knitting because they could donate their products to charity organizations and hospitals.

Tạm dịch: Một số người nói rằng họ thích đan lát hơn vì họ có thể quyên góp sản phẩm của mình cho các tổ chức từ thiện và bệnh viện.

Đáp án: T.

Dịch bài đọc:

Trước đây, đan lát chỉ phổ biến với người già và nhiều người coi đây là một hoạt động nhàn chán. Ngày nay, nghề đan lát đã trở thành thú vui thời thượng của thanh thiếu niên và thanh niên, đồng thời đồ dệt kim đã trở thành sản phẩm thời trang. Bên cạnh đó, đan lát còn mang lại rất nhiều lợi ích cho sức khỏe của chúng ta cả về thể chất lẫn tinh thần.

Nhiều nghiên cứu đã phát hiện ra rằng đan lát có thể giúp giảm căng thẳng và cô đơn, giảm nguy cơ huyết áp và chứng mất trí, một căn bệnh khi con người dần mất khả năng ghi nhớ, suy nghĩ và cư xử bình thường. Khi làm một việc gì đó bằng đôi tay, chúng ta có thể tập trung vào hiện tại và quên đi những lo toan thường ngày. Nó cũng giúp mọi người giữ bình tĩnh và thư giãn, mang lại ít trăn trở hơn và hạnh phúc hơn. Không có gì ngạc nhiên khi trong đại dịch COVID-19, khi mọi người phải ở nhà trong nhiều tháng, rất nhiều bạn trẻ bắt đầu thử đan lát và sau đó quyết định xem nó như một sở thích mới. Một số người nói rằng họ thích đan lát hơn vì họ có thể quyên góp sản phẩm của mình cho các tổ chức từ thiện và bệnh viện. Họ thích hành động làm ra mọi thứ và chia sẻ cho người khác. Điều đó khiến họ cảm thấy hạnh phúc và tự hào về bản thân.

27.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc “like V-ing/N more than V-ing/N” = “prefer V-ing/N to V-ing/N”: thích cái gì hơn cái gì.

Tạm dịch: Tôi thích chơi bóng bàn hơn chơi bóng ném.

Đáp án: playing table tennis to playing handball.

28.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc “let’s + V-inf” = “how about +V-ing?”

Tạm dịch: Bạn có muốn đi mua sắm vào thứ Tư?

Đáp án: about going shopping on Wednesday?

29.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: “most enjoy doing in your free time” = “favorite leisure activity”

Tạm dịch: Hoạt động trong thời gian rảnh yêu thích của bạn là gì?

Đáp án: favorite leisure activity?

30.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương; câu so sánh hơn/kém

Giải thích: Sử dụng cấu trúc “S + V + not as/so + Adj + as + than + N” hoặc “S + V + Less + Adj + than + N” trong câu so sánh kém.

Tạm dịch: Theo tôi, trượt patin ít đáng sợ hơn leo núi.

Đáp án: is less scary than rock-climbing / is not as scary as rock-climbing.

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 2
MÔN: TIẾNG ANH 8 ILEARN SMART WORLD
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. Ben	2. Edd	3. Hana	4. Mia	5. Tony
6. B	7. A	8. B	9. A	10. D
11. B	12. C	13. A	14. A	15. C
16. D	17. art	18. scared	19. crowded	20. followers
21. entertaining	22. B	23. B	24. A	25. D
26. A				

27. under 11 don't need to/ don't have to pay for the food and drink at the outdoor dinner tonight

28. never enjoys / likes / fancies /... noisy parties and crowded places

29. in the city, so she doesn't usually take part in traditional festivals

30. cycling around the countryside to enjoy some fresh air

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Người này coi yoga là môn thể thao yêu thích nhất của anh ấy/cô ấy.

Thông tin: But my favourite type of exercising is yoga.

Tạm dịch: Nhưng loại hình tập thể dục yêu thích của tôi là yoga.

Đáp án: Ben.

2.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Người này thích chụp ảnh thiên nhiên vào cuối tuần.

Thông tin: I like to take pictures of natural and beautiful scenes. I often spend my weekend taking pictures of wild birds and animals in the country.

Tạm dịch: Tôi thích chụp những bức ảnh có cảnh đẹp thiên nhiên. Tôi thường dành thời gian cuối tuần để chụp ảnh các loài chim và động vật hoang dã ở vùng quê.

Đáp án: Edd.

3.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Người này sẽ tự tay làm một món gì đó cho mẹ mình.

Thông tin: When I finish the course I am going to make a scarf for my mother.

Tạm dịch: Khi kết thúc khóa học, tôi sẽ làm một chiếc khăn quàng cổ cho mẹ.

Đáp án: Hana.

4.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Người này có nhiều sở thích khác nhau.

Thông tin: I have a variety of interests.

Tạm dịch: Tôi có nhiều sở thích khác nhau.

Đáp án: Mia.

5.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Người này thích dành thời gian chơi thể thao với bạn bè.

Thông tin: After school I frequently played with my classmates.

Tạm dịch: Sau giờ học tôi thường chơi với các bạn cùng lớp.

Đáp án: Tony.

Bài nghe:

Mia: I have a variety of interests. I enjoy reading and discovering authors and books. I also enjoy guitar playing, hiking, running and other activities. However, I enjoy watching movies. On weekends, I frequently go to the movies with my classmates.

Ben: I love exercising a lot. I do different kinds of exercise and like cycling, swimming, running and sometimes jogging in my free time but my favourite type of exercising is yoga. After school, I usually go to a yoga studio near my house

Tony: I enjoy staying active and having fun with my friends and soccer allows me to do both. After school I frequently played with my classmates. In addition, I'm now taking weekend soccer lessons to improve my soccer skills.

Hana: In my spare time, I enjoyed doing things by myself, such as sewing or making clothes for my pets. Also, I am now taking a knitting class at the weekend workshop. When I finish the course I am going to make a scarf for my mother.

Edd: I like to take pictures of natural and beautiful scenes, while also making bright and full colour images. I often spend my weekend taking pictures of wild birds and animals in the country. I also take photos of rivers and mountains. I love the beauty of nature.

Dịch bài nghe:

Mia: Tôi có nhiều sở thích khác nhau. Tôi thích đọc và khám phá các tác giả và sách. Tôi cũng thích chơi ghi-ta, đi bộ đường dài, chạy bộ và các hoạt động khác. Tuy nhiên, tôi thích xem phim. Vào cuối tuần tôi thường đi xem phim với các bạn cùng lớp.

Ben: Tôi rất thích tập thể dục. Tôi thực hiện nhiều hình thức tập thể dục khác nhau như đạp xe, bơi lội, chạy bộ và đôi khi là chạy bộ khi rảnh rỗi nhưng loại hình tập thể dục yêu thích của tôi là yoga. Sau giờ học, tôi thường đến phòng tập yoga gần nhà

Tony: Tôi thích duy trì hoạt động và vui vẻ với bạn bè và bóng đá cho phép tôi làm được cả hai điều đó. Sau giờ học tôi thường chơi với các bạn cùng lớp. Ngoài ra, tôi hiện đang tham gia các lớp học bóng đá cuối tuần để cải thiện kỹ năng bóng đá của mình.

Hana: Trong thời gian rảnh rỗi, tôi thích tự mình làm mọi việc như may vá hoặc may quần áo cho thú cưng của mình. Ngoài ra, tôi hiện đang tham gia lớp học đan len tại hội thảo cuối tuần. Khi kết thúc khóa học, tôi sẽ làm một chiếc khăn quàng cổ cho mẹ.

Edd: Tôi thích chụp những bức ảnh có cảnh đẹp thiên nhiên, đồng thời tạo ra những bức ảnh tươi sáng và đầy màu sắc. Tôi thường dành thời gian cuối tuần để chụp ảnh các loài chim và động vật hoang dã ở vùng quê. Tôi cũng chụp ảnh sông và núi. Tôi yêu vẻ đẹp của thiên nhiên.

6.

Kiến thức: Phát âm "i"

Giải thích:

A. routine /ru:'ti:n/

B. penguin /'peŋ.gwɪn/

C. vaccine /'væk.si:n/

D. machine /mə'ʃi:n/

Đáp án B.

7.

Kiến thức: Phát âm “ch”

Giải thích:

A. teach /ti:tʃ/

B. orchestra /'ɔ:.ki.strə/

C. chemist /'kem.ɪst/

D. technology /tek'nɒl.ə.dʒi/

Đáp án A.

8.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. degree /di'ɡri:/

B. tennis /'ten.ɪs/

C. guitar /ɡɪ'tɑ:r/

D. career /kə'riə/

Các đáp án A, C, D trọng âm rơi vào âm thứ 2, đáp án B trọng âm rơi vào âm thứ 1.

Đáp án B.

9.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. collection /kə'lek.ʃən/

B. basketball /'bɑ:.skɪt.bɔ:l/

C. volleyball /'vɒl.i.bɔ:l/

D. badminton /'bæd.mɪn.tən/

Các đáp án B, C, D trọng âm rơi vào âm thứ 1, đáp án A trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án A.

10.

Kiến thức: Lượng từ

Giải thích:

A. a lot of: nhiều (+ N đếm được & N không đếm được)

B. much: nhiều (+ N không đếm được)

C. some: một số (+ N đếm được & N không đếm được)

D. many: nhiều (+ N đếm được)

“vehicles” là danh từ số nhiều đếm được, phía trước có từ “too” nên cần đi kèm thêm lượng từ “many” để tạo thành cụm “too many”: quá nhiều.

Tạm dịch: Tôi tin rằng thành phố có quá nhiều phương tiện và không đủ chỗ.

Đáp án D.

11.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. pick (v): lựa, chọn

B. herd (v): chăn nuôi

C. play (v): chơi

D. get (v): lấy

Tạm dịch: Sau giờ học, trẻ em thường giúp bố mẹ chăn trâu.

Đáp án B.

12.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. take part in (v): tham gia

B. appear (v): xuất hiện

C. take place (v): diễn ra

D. announce (v): thông báo

Tạm dịch: Sự kiện năm nay sẽ diễn ra tại Trung tâm Thanh niên.

Đáp án C.

13.

Kiến thức: Động từ chỉ sự thích/ghét

Giải thích: Cấu trúc “like + V-ing”: thích làm gì; “hate + V-ing”: ghét làm gì

Tạm dịch: Họ thích nghe nhạc rock nhưng hàng xóm lại ghét nghe tiếng ồn.

Đáp án A.

14.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Cấu trúc câu chỉ khoảng cách: “S1 + to be + about + khoảng cách + from + S2”.

Tạm dịch: Quê của Lisa cách TPHCM khoảng 250 km.

Đáp án A.

15.

Kiến thức: Động từ chỉ sự thích/ghét

Giải thích: Cấu trúc “(don't) like + V-ing”: (không) thích làm gì

Tạm dịch: Tôi thực sự không thích đi chơi với Mike. Anh ấy nói quá nhiều và những câu chuyện của anh ấy chẳng có ý nghĩa gì!

Đáp án C.

16.

Kiến thức: Liên từ

Giải thích: Cấu trúc chỉ khoảng thời gian “from + time + to + time”: từ mấy giờ đến mấy giờ.

Tạm dịch: Bạn có rảnh từ 2 giờ chiều đến 4 giờ chiều chủ nhật này không?

Đáp án D.

17.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ kết hợp với tính từ “martial” để tạo thành cụm “martial art”: võ thuật.

Tạm dịch: Vovinam là môn võ cổ truyền của Việt Nam.

Đáp án: art.

18.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Dấu hiệu: câu có “yesterday” => động từ cần chia thì quá khứ đơn. Vị trí còn trống cần điền một động từ mang nghĩa “làm sợ hãi”.

Tạm dịch: Công viên giải trí kinh dị nơi chúng ta ghé thăm ngày hôm qua khiến tôi sợ điếng người!

Đáp án: scared.

19.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “places”.

Tạm dịch: Tôi ghét những nơi đông người. Chúng quá ồn ào và ngột ngạt.

Đáp án: crowded.

20.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ chỉ người số nhiều mang nghĩa “người theo dõi” (phía trước có từ “many” => danh từ chia số nhiều).

Tạm dịch: Wonwoo có bao nhiêu người theo dõi trên Instagram?

Đáp án: followers.

21.

Kiến thức: Cấu trúc câu

Giải thích: Cấu trúc “find sth/V-ing + adj + to do sth”.

Tạm dịch: Cô ấy thấy việc xem chương trình này rất thú vị.

Đáp án: entertaining.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Khi nào sự kiện diễn ra?

A. hàng năm

B. vào ngày 1 tháng 1

C. vào tháng Giêng

D. vào ngày đầu tiên của mỗi tháng

Thông tin: The Vietnamese Food Festival is an event on January 1 of every year.

Tạm dịch: Lễ hội ẩm thực Việt Nam là sự kiện diễn ra vào ngày 1 tháng 1 hàng năm.

Đáp án B.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tại sao mọi người ăn mừng sự kiện này?

- A. để chúc mừng sinh nhật
- B. để đánh dấu một năm mới
- C. để bắt đầu một cuộc thi nấu ăn
- D. trao giải thưởng

Thông tin: The event is an occasion when people celebrate the new year by participating in different activities.

Tạm dịch: Sự kiện này là dịp mọi người ăn mừng năm mới bằng cách tham gia các hoạt động khác nhau.

Đáp án B.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Múa lân chủ yếu dành cho ai?

- A. trẻ em và thanh thiếu niên
- B. người lớn tuổi
- C. tất cả mọi người
- D. du khách nước ngoài

Thông tin: Usually, children and teenagers are excited about the performance because there are many exciting things to see in the show.

Tạm dịch: Thông thường, trẻ em và thanh thiếu niên rất hào hứng với buổi biểu diễn vì có nhiều đi đầu thú vị để xem trong chương trình.

Đáp án A.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Giải thưởng dành cho người chiến thắng cuộc thi là gì?

- A. một chuyến đi đến Sapa
- B. một vé miễn phí
- C. vào cửa miễn phí
- D. một kỳ nghỉ tới Hạ Long

Thông tin: The winners can have an excellent opportunity to visit Ha Long for four days.

Tạm dịch: Người chiến thắng có thể có cơ hội tuyệt vời đến thăm Hạ Long trong bốn ngày.

Đáp án D.

26.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Mọi người có thể mua vé ở đâu?

A. từ trang web

B. ở lối vào

C. ở cổng

D. ở cửa

Thông tin: Visitors can go to the webpage and get tickets for free.

Tạm dịch: Du khách có thể vào trang web và nhận vé miễn phí.

Đáp án A.

Dịch bài đọc:

LỄ HỘI ẨM THỰC VIỆT NAM

Lễ hội ẩm thực Việt Nam là sự kiện diễn ra vào ngày 1 tháng 1 hàng năm. Sự kiện này là dịp mọi người ăn mừng năm mới bằng cách tham gia các hoạt động khác nhau. Lễ hội năm nay được tổ chức tại Nhà văn hóa Thanh niên. Du khách có thể xem các đầu bếp nổi tiếng trên truyền hình chế biến các món ăn nổi tiếng từ các vùng khác nhau của đất nước. Du khách có thể có cơ hội thưởng thức một số món ăn. Đồng thời có chương trình múa lân. Thông thường, trẻ em và thanh thiếu niên rất hào hứng với buổi biểu diễn vì có nhiều điều thú vị để xem trong chương trình. Có một khu vực dành riêng cho các hoạt động giải trí truyền thống như kéo co, đá cầu hoặc nhảy dây. Những hoạt động này chủ yếu dành cho trẻ em và thanh thiếu niên. Hoạt động sôi nổi nhất của Lễ hội là cuộc thi nấu cơm. Người chiến thắng có thể có cơ hội tuyệt vời đến thăm Hạ Long trong bốn ngày. Những người chiến thắng năm ngoái đã nhận được một chuyến đi ba ngày tới Sapa. Sự kiện năm nay bắt đầu vào ngày 16 tháng 9 và vé vào cổng được miễn phí. Du khách có thể vào trang web và nhận vé miễn phí. Thông tin có sẵn trên trang web.

27.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc “S + to be + free + for sb”: cái gì miễn phí cho ai = “S + don't/doesn't/didn't + need to + pay + for sth”: ai không cần trả tiền cho cái gì.

Tạm dịch: Trẻ em dưới 11 tuổi không cần trả tiền ăn uống cho bữa tối ngoài trời tối nay.

Đáp án: **under 11 don't need to/ don't have to pay for the food and drink at the outdoor dinner tonight.**

28.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc “hate + V-ing/N” = “never enjoy V-ing/N”: ghét cái gì, làm gì.

Tạm dịch: Mẹ tôi không bao giờ thích những bữa tiệc ồn ào và những nơi đông người.

Đáp án: **never enjoys / likes / fancies/... noisy parties and crowded places.**

29.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc “S1 + V1 + because + S2 + V2” = “S2 + V2, so + S1 + V1”.

Tạm dịch: Julie làm việc ở thành phố nên cô ấy thường không tham gia các lễ hội truyền thống.

Đáp án: **in the city, so she doesn't usually take part in traditional festivals.**

30.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cụm từ “ride (one's) bike = go cycling”: đạp xe đạp.

Tạm dịch: Jack thỉnh thoảng đi đạp xe quanh vùng nông thôn để tận hưởng không khí trong lành.

Đáp án: **cycling around the countryside to enjoy some fresh air.**

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 3

MÔN: TIẾNG ANH 8 ILEARN SMART WORLD

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. month	2. centre	3. market	4. lanterns	5. dragon
6. D	7. D	8. B	9. C	10. D
11. C	12. D	13. B	14. A	15. C
16. D	17. organization	18. extreme	19. popular	20. candied
21. entertainment	22. C	23. D	24. D	25. C
26. A				

27. mind helping me with this box?

28. in hanging out with friends on Sundays.

29. easier to learn than I thought before.

30. her children watch TV after they finish their homework.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ.

Thông tin: The Mid Autumn Festival is coming next month.

Tạm dịch: Tết Trung Thu sắp đến vào tháng sau.

Đáp án: month.

2.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ đi với từ “city”.

Thông tin: This year, the mid autumn festival will take place in the city centre.

Tạm dịch: Lễ hội trung thu năm nay sẽ diễn ra tại trung tâm thành phố.

Đáp án: centre.

3.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ.

Thông tin: Well, there is a market on Main Roads. You can buy mooncakes and other foods when you are there.

Tạm dịch: À, có chợ trên đường chính. Bạn có thể mua bánh trung thu và các loại thực phẩm khác khi bạn ở đó.

Đáp án: market.

4.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ.

Thông tin: You can get bright lanterns too.

Tạm dịch: Bạn cũng có thể có được những chiếc đèn lồng rực rỡ.

Đáp án: lanterns.

5.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ.

Thông tin: Everyone can watch dragon and lion dances too.

Tạm dịch: Mọi người cũng có thể xem múa rồng và múa sư tử.

Đáp án: dragon.

Bài nghe:

Andy: Welcome to Teenage Talk with me. Hello, everyone. I'm Andy. I'm in Smallville. The Mid Autumn Festival is coming next month and everyone looks forward to it. I'm talking to Ly Wen she's part of the Smallville Cultural Office.

Ly: Hi everyone. Everyone in Smallville can take part in activities to welcome the Mid Autumn Festival. This year, the mid autumn festival will take place in the city centre from 8am to 8pm on September 28 and 29.

Andy: Great. What activities are there during the festival?

Ly: Well, there is a market on main roads. You can buy mooncakes and other foods when you are there. You can get bright lanterns too.

Andy: That's lovely. I enjoy eating mooncakes. Is there a traditional music and dance show at this two day event?

Ly: Definitely. Children from around the city will do singing and play traditional instruments. Everyone can watch dragon and lion dances too.

Andy: That's cool. I can't wait to join the festival.

Dịch bài nghe:

Andy: Chào mừng đến với Trò chuyện tuổi teen với tôi. Xin chào tất cả mọi người. Tôi là Andy. Tôi đang ở Smallville. Tết Trung Thu sắp đến vào tháng sau và mọi người đều mong chờ. Tôi đang nói chuyện với Ly Wen, cô ấy là thành viên của Văn phòng Văn hóa Smallville.

Ly: Chào mọi người. Mọi người ở Smallville đều có thể tham gia các hoạt động chào đón Tết Trung Thu. Lễ hội trung thu năm nay sẽ diễn ra tại trung tâm thành phố từ 8h đến 20h trong ngày 28 và 29/9.

Andy: Tuyệt vời. Trong lễ hội có những hoạt động gì?

Ly: À, có chợ trên đường chính. Bạn có thể mua bánh trung thu và các loại thực phẩm khác khi bạn ở đó. Bạn cũng có thể có được những chiếc đèn lồng rực rỡ.

Andy: Thật đáng yêu. Tôi thích ăn bánh trung thu. Có chương trình biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ truyền thống nào tại sự kiện kéo dài hai ngày này không?

Ly: Chắc chắn rồi. Trẻ em khắp thành phố sẽ hát và chơi nhạc cụ truyền thống. Mọi người cũng có thể xem múa rồng và múa sư tử.

Andy: Điều đó thật tuyệt. Tôi thật nóng lòng muốn tham gia lễ hội.

6.

Kiến thức: Phát âm “e”

Giải thích:

A. she /ʃi:/ or /ʃi/

B. key /ki:/

C. scene /si:n/

D. plenty /'plen.ti/

Các đáp án A, B, C âm “e” phát âm là /i:/; đáp án D âm “e” phát âm là /e/.

Đáp án D.

7.

Kiến thức: Phát âm đuôi “-es”

Giải thích:

Cách phát âm đuôi -s, -es:

- Đuôi s, es phát âm là /ɪz/ khi tận cùng là các âm /s/, /z/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, /dʒ/.

- Đuôi s, es phát âm là /s/ khi tận cùng là các âm /p/, /f/, /t/, /k/, /θ/.

- Đuôi s, es phát âm là /z/ khi tận cùng là các âm còn lại.

A. toes /təʊz/

B. buses /bʌsɪz/

C. beaches /bi:tʃɪz/

D. oranges /'ɔ:r.ɪndʒɪz/

Các đáp án B, C, D đuôi -es phát âm là /ɪz/; đáp án A đuôi -es phát âm là /z/.

Đáp án D.

8.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. degree /dɪ'ɡri:/

B. tennis /'ten.ɪs/

C. guitar /ɡɪ'tɑ:r/

D. career /kə'riə/

Các đáp án A, C, D trọng âm rơi vào âm thứ 2; đáp án B trọng âm rơi vào âm thứ 1.

Đáp án B.

9.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. never /'nev.ə/

B. country /'kʌn.tri/

C. prefer /prɪ'fɜ:/

D. weather /'weð.ə/

Các đáp án A, B, D trọng âm rơi vào âm thứ 1; đáp án C trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án C.

10.

Kiến thức: Câu hỏi chỉ tần suất

Giải thích:

- A. How long: bao lâu
- B. How far: bao xa
- C. When: khi nào
- D. How often: bao lâu một lần (hỏi tần suất)

Câu trả lời là “once a week” => câu hỏi là câu chỉ tần suất.

Tạm dịch:

- Cô ấy có thường xuyên dọn dẹp nhà cửa không?
- Mỗi tuần một lần.

Đáp án D.

11.

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

- A. take place: diễn ra
- B. take part (không có nghĩa)
- C. take part in: tham gia vào
- D. turn up: bật lên

Tạm dịch: Thật thú vị khi tham gia các hoạt động như điều hành đèn lồng.

Đáp án C.

12.

Kiến thức: Động từ chỉ sự thích/ghét**Giải thích:** Cấu trúc “adore + V-ing”: yêu thích làm gì

Tạm dịch: Bố tôi rất thích chụp ảnh. Ông ấy thường dành thời gian về vùng nông thôn để chụp ảnh thiên nhiên ở đó.

Đáp án D.

13.

Kiến thức: Trạng từ chỉ tần suất**Giải thích:**

- A. always: luôn luôn
- B. seldom: hiếm khi

C. sometimes: thỉnh thoảng

D. usually: thường thường

Tạm dịch: Anh ấy gần như không bao giờ đến bệnh viện vì anh ấy hiếm khi bị ốm.

Đáp án B.

14.

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích: Cấu trúc “good at + V-ing”: giỏi, làm tốt việc gì

Tạm dịch: Tôi không nghĩ anh ấy nấu ăn giỏi. Căn bếp sau khi anh nấu nướng trông như một cuộc chiến!

Đáp án A.

15.

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích: Cấu trúc “can’t stand + V-ing”: không thể chịu đựng cái gì

Tạm dịch: Tôi không thể chịu được việc ngồi một chỗ lâu như vậy. Tôi thích được hoạt động.

Đáp án C.

16.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh động từ làm vị ngữ cho câu.

Tạm dịch: Một trong những hoạt động giải trí yêu thích của tôi là đọc sách. Tôi muốn giới thiệu cho bạn một số cuốn sách đầu giường của tôi!

Đáp án D.

17.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ để tạo thành cụm “animal protection organization”: tổ chức bảo vệ động vật.

Tạm dịch: Anh trai tôi làm tình nguyện viên cho một tổ chức bảo vệ động vật. Anh ấy thực sự yêu thích công việc này.

Đáp án: organization.

18.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “sports” phía sau.

Tạm dịch: Jane không thích chơi các môn thể thao mạo hiểm. Cô ấy thích làm các hoạt động trong nhà.

Đáp án: extreme.

19.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “hobbies”.

Tạm dịch: Trượt ván là một trong những sở thích phổ biến nhất của thanh thiếu niên ở thị trấn này.

Đáp án: popular.

20.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “fruit”.

Tạm dịch: Bạn bè tôi thích ăn những món ăn truyền thống vào dịp Tết như bánh chưng và kẹo trái cây.

Đáp án: candied.

21.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ.

Tạm dịch: Không có nhiều trò giải trí ở thị trấn nhỏ này.

Đáp án: entertainment.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Cái nào sau đây sẽ là tiêu đề hay nhất của đoạn văn?

- A. Truyền hình và Gia đình.
- B. Giải trí cho các thành viên trong gia đình.
- C. Ưu điểm và nhược điểm của việc xem TV.
- D. Trí tưởng tượng từ truyền hình.

Đáp án C.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Điều gì chứng tỏ tivi phục vụ mọi thành viên trong gia đình?

- A. Các chương trình truyền hình được thiết kế cho các giới tính khác nhau.
- B. Các chương trình truyền hình được thiết kế cho mọi lứa tuổi.
- C. Các chương trình truyền hình được thiết kế cho nhiều sở thích khác nhau.
- D. Tất cả đều đúng.

Thông tin: There are always programmes suitable for different ages, genders and interests...

Tạm dịch: Luôn có những chương trình phù hợp với nhiều lứa tuổi, giới tính và sở thích khác nhau...

Đáp án D.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Theo người viết, việc xem TV có lợi ích gì?

- A. Kết nối các thành viên trong gia đình.
- B. Cung cấp kiến thức.
- C. Mở rộng tâm trí của bạn.
- D. Tất cả đều đúng.

Thông tin: Watching TV is a great way to spend time and bond with your family. TV shows can also be educational with cooking programmes, documentaries...TV is also a way to expand your mind.

Tạm dịch: Xem TV là một cách tuyệt vời để dành thời gian và gắn kết với gia đình bạn. Các chương trình truyền hình cũng có thể mang tính giáo dục với các chương trình nấu ăn, phim tài liệu...TV cũng là một cách để bạn mở mang đầu óc.

Đáp án D.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Theo người viết, việc xem TV có nhược điểm gì?

- A. Cải thiện sức khỏe thể chất của bạn.
- B. Khuyến khích trí tưởng tượng của bạn.
- C. A và B đều sai.

D.A và B đều đúng.

Thông tin: It can negatively affect your physical health because you are less likely to exercise. Your creativity and imagination can also be limited because of television.

Tạm dịch: Nó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể chất của bạn vì bạn ít tập thể dục hơn. Khả năng sáng tạo và trí tưởng tượng của bạn cũng có thể bị hạn chế vì tivi.

Đáp án C.

26.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Đi đâu nào sau đây KHÔNG được đề cập trong đoạn văn?

- A. Sở hữu một chiếc tivi tốn rất nhiều tiền.
- B. Mọi người xem TV để giải trí.
- C. Một người lười biếng có thể có sức khỏe thể chất kém.
- D. Có chương trình nấu ăn và phim tài liệu trên TV

Thông tin: It can be the source of entertainment (B). TV shows can also be educational with cooking programmes, documentaries (D). Spending too much time in front of the TV makes you a couch potato. It can negatively affect your physical health (C).

Tạm dịch: Nó có thể là nguồn giải trí (B). Các chương trình truyền hình cũng có thể mang tính giáo dục với các chương trình nấu ăn, phim tài liệu (D). Dành quá nhiều thời gian trước TV sẽ khiến bạn trở thành một kẻ lười biếng. Nó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể chất của bạn (C).

Đáp án A.

Dịch bài đọc:

Hầu hết mọi người xem TV trong thời gian rảnh rỗi. Một chiếc tivi được coi là thiết yếu trong mỗi gia đình. Nó có thể là nguồn giải trí cho mọi thành viên trong gia đình. Luôn có những chương trình phù hợp với nhiều lứa tuổi, giới tính và sở thích khác nhau... Xem TV là một cách tuyệt vời để bạn dành thời gian và gắn kết với gia đình. Bên cạnh giá trị giải trí, các chương trình truyền hình còn có thể mang tính giáo dục với các chương trình nấu ăn, phim tài liệu...TV còn là một cách để bạn mở mang đầu óc và khám phá những địa điểm mà bạn không thể đến trong đời thực. Tuy nhiên, dành quá nhiều thời gian trước TV sẽ khiến bạn trở thành người lười biếng và xem TV nhiều. Nó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể

chất của bạn vì bạn ít tập thể dục hơn. Khả năng sáng tạo và trí tưởng tượng của bạn cũng có thể bị hạn chế vì tivi.

27.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc câu nhờ giúp đỡ: “Could you help me...?” = “Would you mind + V-ing?”.

Tạm dịch: Bạn có phiền giúp tôi với chiếc hộp này không?

Đáp án: mind helping me with this box?

28.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc “like + V-ing” = “be interested in + V-ing”: thích làm gì

Tạm dịch: Cô ấy thích đi chơi với bạn bè vào Chủ Nhật..

Đáp án: in hanging out with friends on Sundays.

29.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: “not as hard to do” = “easier to do”.

Tạm dịch: Kỹ năng DIY dễ học hơn tôi nghĩ trước đây.

Đáp án: easier to learn than I thought before.

30.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc “allow sb to V-inf” = “let sb V-inf”: cho phép ai đó làm gì.

Tạm dịch: Cô ấy chỉ cho con xem TV sau khi chúng làm xong bài tập về nhà.

Đáp án: her children watch TV after they finish their homework.

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com